

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông **Vũ Huy Hoàng**

2) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 886/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 715/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng L – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Tân Bình (theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Người được ủy quyền lại: Ông Ma Khánh C, sinh năm: 1984, Địa chỉ liên hệ: Số 224 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân B, Thành phố H (nay là phường Tân Sơn H, Thành phố H), (theo Giấy ủy quyền số 1088/2024/GUQ-CNTB ngày 26/9/2024) **có đơn xin vắng mặt.**

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tường U**, sinh năm: 1975 **có đơn xin vắng mặt;**

CCCD số: 079175033390;

Địa chỉ thường trú: Số 2/126 Thiên Phước, Phường 9, quận Tân B, Thành phố H (nay là phường Tân H, Thành phố H);

Địa chỉ tạm trú: Số 16 Đường số 7, Khu dân cư Intresco 13E, ấp 67, xã Bình H, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có người đại diện là ông Ma Khánh C trình bày:

Ngày 12/01/2021, bà Nguyễn Thị Tường U có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Đến ngày 25/5/2023, bà Uyên đề nghị Ngân hàng cấp khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay). Căn cứ thu nhập của bà Uyên, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng và khoản vay tín dụng tiêu dùng với hạn mức sử dụng chung là 98.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà Uyên. Tại thời điểm cấp hai khoản vay thẻ tín dụng và khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) cho bà Uyên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay)) để cấp cho bà Uyên hai khoản vay trên.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng và Khoản vay tín dụng tiêu dùng, bà Uyên đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 225.926.955 đồng (trong đó: thẻ tín dụng số 436438-8984 là 207.926.955 đồng; khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) số 211251-4569 là 18.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ và khoản vay tín dụng tiêu dùng, từ ngày kích hoạt thẻ và khoản vay tín dụng tiêu dùng được giải ngân đến nay, bà Uyên đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 166.186.181 đồng (trong đó: thẻ tín dụng số 436438-8984 là 160.136.181 đồng; khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) số 211251-4569 là 6.050.000 đồng).

Thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng và thứ tự thanh toán khoản vay cấp tín dụng tiêu dùng căn cứ theo Điều 3 của Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Uyên vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Uyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán thẻ tín dụng (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay). Ngày 25/9/2023, Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng (SacombankPay) số 211251-4569. Ngày 05/11/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng số 436438-8984 của bà Uyên (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ tín dụng số 436438-8984 và khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) số 211251-4569 sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19/01/2026, bà Uyên còn nợ các khoản sau:

- Đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum, số thẻ: 436438-8984: số tiền còn nợ là 159.708.882 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 78.836.006 đồng;

+ Lãi quá hạn: 80.872.876 đồng (tính theo mức lãi suất: 3.72% (2.483% x 150));

- Đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng VTD SacombankPay, số thẻ: 211251-4569: số tiền còn nợ là 22.964.944 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 13.530.000 đồng;

+ Lãi quá hạn: 9.434.944 đồng (tính theo mức lãi suất: $2.32\%(1.55\% \times 150)$);

Tổng cộng là 182.673.826 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu bà Uyên có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Uyên trả nợ, tuy nhiên bà Uyên vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay) đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết :

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Tường U phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 19/01/2026 là 182.673.826 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), trong đó:

+ Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum số 436438-8984 là 159.708.882 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 78.836.006 đồng, lãi quá hạn: 80.872.876 đồng.

+ Nợ khoản vay tín dụng tiêu dùng (SacombankPay) số 211251-4569 là 22.964.944 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 13.530.000 đồng, lãi quá hạn: 9.434.944 đồng.

2/ Bà Nguyễn Thị Tường U có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong bản tự khai ngày 16/01/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tường U thừa nhận ngày 12/01/2021 bà có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến ngày 25/5/2023, bà có đề nghị Ngân hàng cấp khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay). Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã đồng ý cấp thẻ tín dụng và tín dụng tiêu dùng cho bà với hạn mức sử dụng chung là 98.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày kích hoạt thẻ và khoản vay tín dụng tiêu dùng được giải ngân đến nay, bà đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 166.186.181 đồng (trong đó: thẻ tín dụng số 436438-8984 là 160.136.181 đồng; khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) số 211251-4569 là 6.050.000 đồng). Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên bà đã không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Nay bà đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 11/12/2025 là 178.449.307 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm lẻ bảy đồng) trong đó: Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum số 436438-8984 là 155.893.317 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi ba nghìn ba trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc:

78.836.006 đồng, lãi quá hạn: 77.057.311 đồng; Nợ khoản vay tín dụng tiêu dùng (SacombankPay) số 211251-4569 là 22.555.990 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 13.530.000 đồng, lãi quá hạn: 9.025.990 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 12/12/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tường U thanh toán khoản nợ đã vay cùng lãi suất theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) và bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay) của Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (trước thời điểm Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 có hiệu lực) thì bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U có đăng ký thường trú tại địa chỉ 2/126 Thiên Phước, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Uyên không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, hiện tại bà Uyên đã chuyển về địa chỉ số 16 đường số 7, Khu dân cư 13E, Phong Phú, huyện Bình Chánh từ năm 2019 đến nay. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (sau thời điểm Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 có hiệu lực) thì bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U có đăng ký tạm trú tại số 16 đường số 7, Khu dân cư Intresco 13E, ấp 67, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30/5/2025, hiện có thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có người đại diện theo ủy quyền là ông Ma Khánh C và bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U vắng

mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Cự, bà Uyên.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Nguyễn Thị Tường U được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (SacombankPay) của bà Nguyễn Thị Tường U ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín phát hành thẻ tín dụng và khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) với hạn mức tín dụng chung là 98.000.000 đồng. Từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, căn cứ thu nhập của bà Uyên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đồng ý cấp thẻ tín dụng và tín dụng tiêu dùng với hạn mức sử dụng chung là 98.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà Nguyễn Thị Tường U.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Tường U thanh toán nợ thẻ tín dụng và khoản vay tín dụng tiêu dùng nhưng bà Uyên không thực hiện, do đó, ngày 25/9/2023, Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng (SacombankPay) số 211251-4569. Ngày 05/11/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng số 436438-8984 của bà Uyên và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ tín dụng số 436438-8984 và khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) số 211251-4569 sang nợ quá hạn.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2026, bà Nguyễn Thị Tường U thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có người đại diện theo ủy quyền là ông Ma Khánh C là đúng sự thật, bà có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (SacombankPay) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu phát hành thẻ tín dụng và khoản vay tín dụng tiêu dùng (VTD SacombankPay) với hạn mức tín dụng chung là 98.000.000 đồng. Bà Uyên xác định đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền 166.186.181 đồng, sau đó do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên đã ngừng thanh toán cho Ngân hàng cho đến nay. Bà Uyên thừa nhận tính đến ngày 11/12/2025 thì bà còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 178.449.307 và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/12/2025 cho đến khi trả dứt nợ. Bà Uyên đồng ý trả khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do lời trình bày của nguyên đơn đã được bị đơn thừa nhận, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, nguyên đơn không phải chứng minh.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”.

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 của Ngân hàng nhà nước quy định về nguyên tắc sử dụng thẻ: *“2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã giao kết với TCPHT.”.*

Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Tường U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã thông báo nhắc nợ, nhiều lần đôn đốc phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay).

Đối chiếu các quy định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 19/01/2026 là 182.673.826 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: Nợ thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum số 436438-8984 là 159.708.882 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm lẻ tám nghìn tám trăm tám mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 78.836.006 đồng, lãi quá hạn: 80.872.876 đồng; Nợ khoản vay tín dụng tiêu dùng (SacombankPay) số 211251-4569 là 22.964.944 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 13.530.000 đồng, lãi quá hạn: 9.434.944 đồng.

[4.2] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.* Do

đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Tường U tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Nguyễn Thị Tường U trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 19/01/2026 là 182.673.826 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Uyên trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất trong hợp đồng đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 4, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với bà Nguyễn Thị Tường U.

Buộc bà Nguyễn Thị Tường U có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 182.673.826 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Tường U còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay) ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Nguyễn Thị Tường U cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ (SacombankPay) ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và bà Nguyễn Thị Tường U, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tường U chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.133.691 đồng (Chín triệu một trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi một đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 3.223.665 đồng (Ba triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051104 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

- Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 10 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



Trương Văn Hải